

家

jiā

几

jǐ

口

kǒu

照片

zhào piàn

和

hé

个

gè

姐姐

jiě jie

两

liǎng

弟弟

dì dì

还

hái

一共

yī gòng

妹妹

mèi mei

小

xiǎo

狗

gǒu

张

zhāng

当然

dāng rán

真

zhēn

可爱

kě ài

没

méi

男

nán

做

zuò

工作

gōng zuò

大

dà

多少

duō shǎo

喜欢

xǐ huan

外语

wài yǔ

外国

wài guó

百

bǎi

王小云

wáng xiǎo yún

贝贝

bèi bèi

Handwriting practice grid consisting of 10 rows of empty boxes for practicing the characters 外国, 百, 王小云, and 贝贝.